

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 107/2024/HS-ST

Ngày 10-7-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi

2. Bà Trần Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Lương Duy Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo: **Trần Văn K**, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1986, nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân K1 và bà Hoàng Thị T; vợ: Trần Thị N, 02 con; nhân thân: Bản án số 02/2016/HSST ngày 14/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xử phạt Trần Văn K 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày 29/10/2015, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/7/2016, chấp hành xong án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm, ngày 13/9/2021 (được miễn thi hành án theo Quyết định số 16 ngày 13/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương); bồi thường dân sự 2.080.000 đồng, đến nay qua xác minh, bị hại không có yêu cầu bồi thường. Bản án số 31/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh

Thái Bình xử phạt Trần Văn K 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/4/2017, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/4/2018, án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng được miễn ngày 18/8/2022 theo quyết định số 17 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Quyết định số 2024/QĐ - UB ngày 27/8/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đưa vào cơ sở giáo dục T1, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trong thời hạn 24 tháng vì lý do nhiều lần trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ngày 28/7/2014; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo tạm giữ từ ngày 27/3/2024 đến ngày 02/4/2024 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

** Người chứng kiến:*

1. Anh Dương Ngọc H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Số nhà A, tổ E, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).
2. Anh Vũ Đức B, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/3/2024, Trần Văn K đi xe ôm của người không quen biết từ nhà đến khu vực đường T, tổ A, phường T, thành phố T thì xuống xe đi bộ một đoạn gặp và mua của một người nam giới không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 gói H với giá 200.000 đồng, Sau đó K cầm gói H1 ở lòng bàn tay trái rồi đi bộ tìm chỗ để sử dụng. Khi K đi đến khu vực đường L, thuộc tổ A, phường T, thành phố T thì bị tổ công tác Công an thành phố T phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của anh Dương Ngọc H, anh Vũ Đức B, K đã tự giác đưa từ lòng bàn tay trái ra giao nộp cho tổ công tác 01 gói giấy trắng kim loại màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng dạng cục và khai nhận đó là H1 của K vừa mua về để sử dụng cho bản thân.

Tại kết luận giám định số 425/KL-KTHS(MT) ngày 01/4/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật quản lý của Trần Văn K gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng 0,1638 gam.

Cáo trạng số 114/CT-VKSTPTB ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với bị cáo Trần Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật

Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn K khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án tù từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 425/KL-KTHS(MT) của Phòng K2 - Công an tỉnh T.

Bị cáo Trần Văn K đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố, không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Trần Văn K nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 27/3/2024, tại khu vực đường L, thuộc tổ A, phường T, thành phố T, Trần Văn K đã có hành vi tàng trữ trái phép trên người 0,1638 gam ma túy, loại Heroin, mục đích để sử dụng cho bản thân, bị tổ công tác Công an

thành phố T phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Trần Văn K là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Nghiện ma túy là tệ nạn đang được đấu tranh bài trừ ra khỏi đời sống xã hội. Bị cáo đã nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...c) Heroin, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”*. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Trần Văn K đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Trần Văn K không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự trong Quân đội nhân dân Việt Nam nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[6]. Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Do bị cáo có nhân thân xấu nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là chất nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo Trần Văn K khai mua của một người 01 người nam giới, không biết tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực đường T, tổ A, phường T, thành phố T, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo Trần Văn K phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 27/3/2024).

2.2. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn K 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của Trần Văn K còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 425/KL-KTHS (MT) của Phòng K2 Công an tỉnh T.

(Vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/6/2024).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn K phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2024).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra và Cơ quan THA hình sự Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh